

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái”
của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thiên Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Xét Văn bản số 2849/SNNMT-CCMT ngày 30/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động dự án “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái”;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 41/CV ngày 24/6/2025 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thiên Minh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3942/TTr-SNNMT ngày 27/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thiên Minh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Vụ Bản;
- UBND xã Kim Thái;
- C.ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thiên Minh;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP40.VP3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
"XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP KIM THÁI"
(Kèm theo Quyết định số: 2256/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái.
- Địa điểm thực hiện: Xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thiên Minh.
- Địa chỉ liên hệ: Lô L1 đường D1 KCN Bảo Minh, Km số 10 Quốc lộ 10, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
- Dự án "Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái" được UBND tỉnh phê duyệt thành lập cụm công nghiệp tại Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 và UBND huyện Vụ Bản phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 22/4/2025.

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô: Dự án "Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái" có diện tích 690.000 m² (khoảng 69,0 ha). Khi CCN đi vào hoạt động dự kiến thu hút khoảng 6.000 lao động làm việc tại dự án.
- Các ngành nghề thu hút đầu tư sản xuất tại CCN Kim Thái, gồm:

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C 10
2	Sản xuất đồ uống	C 11
3	Dệt (có công đoạn giặt tẩy, không bao gồm công đoạn nhuộm và gia công nhuộm)	C 13
4	Sản xuất trang phục (có công đoạn giặt tẩy, không bao gồm công đoạn nhuộm và gia công nhuộm)	C14
5	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (Sản xuất vali, túi xách, giày dép và các loại tương tự, sản xuất yên đệm từ da đã được sơ chế)	C 1510, C1520
6	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C 16
7	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm	C1701, C1702 và C1709

	sản xuất bột giấy; không sử dụng phế liệu nhập khẩu)	
8	In, sao chép bản ghi các loại	C 18
9	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít; sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (chỉ phối trộn, san chiết)	C2012, C2022 và C2023
10	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C 21
11	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C 22
12	Sản xuất sản phẩm chịu lửa; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.	C2391, C2392, C2393 và C2399
13	Sản xuất kim loại (không bao gồm sơ chế, chiết xuất trực tiếp từ quặng thô)	C 24
14	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (không bao gồm ngành sản xuất vũ khí và đạn dược; không gia công xi mạ)	C 25
15	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (không bao gồm gia công xi mạ)	C 26
16	Sản xuất thiết bị điện	C 27
17	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C 28
18	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C 29
19	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C 30
20	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	C 31
21	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C 32
22	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C 33
23	Thoát nước và xử lý nước thải	E 37
24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H 521
25	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L 68

1.3. Phạm vi

Dự án “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Thái” được triển khai trên diện tích 690.000 m² (khoảng 69,0 ha) bao gồm các hạng mục sau:

- Đền bù, giải phóng mặt bằng.
- San nền.
- Hệ thống giao thông.
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng.
- Hệ thống cấp nước (không bao gồm hoạt động khai thác và xử lý nước).
- Hệ thống thông tin liên lạc.
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy.
- Cây xanh.
- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 5.000 m³/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung.
- Hồ sự cố có dung tích khoảng 7.000 m³.
- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 20,4 m².

Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các hoạt động: Hoạt động khai thác và vận chuyển vật liệu san nền; nội dung đánh giá tác động môi trường của các dự án nhà đầu tư thứ cấp vào CCN Kim Thái.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường (do dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích khoảng 532.588,1 m²).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Dự án chiếm dụng đất trồng lúa nước 02 vụ, đất kênh mương thủy lợi nội đồng trong phạm vi dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm của các hộ dân bị mất đất.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng thi công các công trình; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ trong phạm vi dự án và hoạt động nạo vét kênh mương nội đồng phát sinh bùn, đất hữu cơ.

- Hoạt động nắn chỉnh, hoàn trả kênh T7D đoạn đi qua dự án với chiều dài 777,0 m; kênh C9 đoạn đi qua dự án với chiều dài 555,0 m.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng trồng cây hoa màu, cây trồng hàng năm có diện tích 38.681,2 m².

- Hoạt động dọn dẹp trang trại có diện tích 34.932,0 m² và ao nuôi thủy sản có diện tích 7.618,60 m².

- Hoạt động dọn dẹp bãi tập kết rác thải tạm của địa phương diện tích 223,0 m².

- Hoạt động di chuyển 10,0 ngôi mộ chôn cất lâu năm của người dân xã Kim Thái có diện tích 185,6 m².

- Hoạt động di chuyển khoảng 840,0 m đường điện cao thế 110 kV; khoảng 572,0 m đường điện cao thế 35kV và khoảng 319,0 m đường điện hạ thế 0,4 kV có khả năng ảnh hưởng tới đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, kinh tế, xã hội của người dân địa phương.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng, kỹ thuật.

- Hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong CCN và khu hành chính dịch vụ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải, chất thải nguy hại, nước thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Đối với nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải từ hoạt động xây dựng: Phát sinh chủ yếu là nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, dụng cụ xây dựng, rửa xe ra vào dự án khoảng 15,0 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 12,0 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Lượng mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt dự án khoảng 1.272.407 m³/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, độ đục,...

b) Giai đoạn vận hành

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của CCN trong giai đoạn vận hành khoảng 3.269,6 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, độ màu, TSS, BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Amoni, kim loại nặng, tổng Xianua, tổng Phenol, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 1.165.653 m³/năm. Thành phần ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, độ đục,...

3.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu, di dời cột điện, nắn chỉnh, hoàn trả kênh mương, bóc tách tầng đất mặt, san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên vật liệu xây dựng đến khu vực dự án; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng; từ quá trình hàn, sơn trải nhựa đường với thông số ô nhiễm đặc trưng: Khí CO, SO₂, NO_x, bụi đất, bụi cát,...

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong CCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

- Khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H₂S, NH₃, metyl mercaptan,...

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Đối với chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tham gia thi công phát sinh khoảng 160,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ bao bì đựng thực phẩm, vỏ hoa quả thải, giấy vụn,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động di dời bãi tập kết rác thải địa phương để trung chuyển khoảng 110 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Sắt thép thải, đất đá, bê tông,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động di dời đường điện khoảng 14,0 tấn.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang cây cối khoảng 55,2 tấn.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phá dỡ đường bê tông khoảng 924,5 tấn.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động di dời mả mả khoảng 10,0 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh phế liệu xây dựng khoảng 302,9 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Đất đá, cát, bê tông rơi vãi, giấy xi măng, ni lông, sắt thép vụn,...

- Chất thải phát sinh từ hoạt động nạo vét kênh mương thủy lợi, ao hồ phát sinh khoảng 14.493,0 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Đất, bùn hữu cơ,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại CCN và công nhân tại khu hành chính dịch vụ của CCN khoảng 4.800 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại thức ăn thừa, bao bì, chai lọ,...

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN có khối lượng và thành phần phụ thuộc vào

ngành nghề đầu tư và được đánh giá chi tiết trong hồ sơ môi trường của nhà đầu tư thứ cấp.

3.2.2. Đối với chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 188,0 kg/giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu thải; giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; sơn thải, vỏ hộp sơn thải; bóng đèn huỳnh quang thải;...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu hành chính dịch vụ và trạm xử lý nước thải tập trung của CCN khoảng 433.438 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì nhiễm thành phần nguy hại, dầu thải,...

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 160.235 kg/năm.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp có khối lượng và thành phần phụ thuộc vào ngành nghề đầu tư và được đánh giá chi tiết trong hồ sơ môi trường của nhà đầu tư thứ cấp.

3.3. Đối với tầng đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ

Khối lượng tầng đất mặt được bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ khoảng 138.775,8 m³.

3.4. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, xây dựng (như máy xúc, máy trộn bê tông, máy đầm, máy hàn,...); từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn từ hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào CCN và hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải của dự án phát sinh tiếng ồn; tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị sản xuất ảnh hưởng đến người lao động làm việc tại CCN.

3.5. Tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động đến kinh tế - xã hội, giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp,...

- Trong quá trình thi công xây dựng có thể xảy ra các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố dịch bệnh, thiên tai,...

b) Giai đoạn vận hành

Khi dự án đi vào hoạt động có thể xảy ra các tác động như cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải; sự cố

ngập úng; sự cố chất thải; sự cố từ các công trình bảo vệ môi trường của các dự án thứ cấp trong CCN.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí 15 nhà vệ sinh di động (thể tích bể chứa nước thải $02 \text{ m}^3/\text{nghĩa}$), nước thải và bùn từ nhà vệ sinh di động được Chủ dự án hoặc nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng: Khai thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và đào rãnh thoát nước có kích thước $(0,3 \times 0,3)\text{m}$, thu gom nước xung quanh chân công trình của từng hạng mục xây dựng. Nước thải sau thu gom sẽ chảy qua 02 hố ga lắng cặn, mỗi hố ga có thể tích khoảng $3,5 \text{ m}^3/\text{hố}$ ga, sau đó tái sử dụng để dập bụi.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Đào rãnh tiêu thoát nước mưa tạm thời xung quanh chân công trình có kích thước $(0,3 \times 0,3)\text{m}$. Nước mưa sau thu gom sẽ chảy qua 01 hố ga lắng cặn có thể tích khoảng $2,5 \text{ m}^3$ trước khi chảy vào kênh T7D phía Tây và kênh C9 nằm trong phạm vi dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) (Áp dụng hệ số với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) qua hệ thống quan trắc nước thải tự động trước khi thải ra kênh C9.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của dự án như sau

+ Mạng lưới thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa, gồm các tuyến ống HDPE và Inox có kích thước D300 - D500 mm đặt ngầm dưới vỉa hè để dẫn nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung cùng với nước thải công nghiệp.

+ Toàn bộ nước thải phát sinh của các nhà máy thứ cấp trong CCN sau khi được xử lý theo thoả thuận với đơn vị quản lý hạ tầng CCN phải đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải CCN Kim Thái trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của CCN.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại CCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) (Áp dụng hệ số với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) qua hệ thống quan trắc nước thải tự động trước khi thải ra kênh C9 qua 01 cửa xả.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung tại CCN Kim Thái như sau:

Nước thải → Bể gom có lưới chắn rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí MBBR → Bể trung gian → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động, liên tục (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) → Kênh C9.

- Tọa độ điểm xả thải dự kiến: $X(m) = 2250140.56$; $Y(m) = 561272.08$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh chiều trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

- Lắp đặt 01 hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra môi trường, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nam Định theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Nước mưa của CCN sẽ theo các tuyến cống tròn BTCT D600 - D1200 mm đi dưới vỉa hè, cống chịu lực BTCT qua đường D800 - D1.200 mm và tự chảy ra kênh T7D qua 05 cửa xả phía Tây và kênh C9 qua 08 cửa xả.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Lập kế hoạch và tiến độ thi công phù hợp để khối lượng công việc trong khi đào, đắp san nền, tập kết vật liệu xây dựng hợp lý nhất nhằm hạn chế lượng xe lớn nhất trên một quãng đường thi công, giảm thiểu khí thải và bụi do phương tiện thi công phát tán vào không khí.

- Phủ bạt che chắn khu vực tập kết vật liệu xây dựng để hạn chế gió phát tán bụi vào không khí.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phải có bạt phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường đặc biệt là khi đi qua các tuyến đường có dân cư sinh sống; đảm bảo an toàn khi lưu thông trên đường.

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ phục vụ thi công và khu vực giáp nhà dân với tần suất từ 2 ÷ 3 lần/ngày (trừ những ngày mưa).

- Lập hàng rào bằng tôn cao 02 m xung quanh khu vực công trường thi công.

- Sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu, không chở quá tải trọng cho phép.

- Bố trí công nhân quét dọn nguyên vật liệu rơi vãi trên tuyến đường ra vào dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên CCN với tần suất từ 2 ÷ 3 lần/ngày (trừ những ngày mưa) và tăng

tần suất trong những ngày nắng nóng.

- Thực hiện trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất CCN; đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với trạm xử lý nước thải tập trung của CCN theo đúng quy định.

- Hơi mùi, khí thải từ trạm xử lý nước thải tập trung

- + Chủ dự án trồng dải cây xanh cách ly 10 m để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ các công trình xử lý nước thải, đối với các bể gom, bể chứa bùn, bể nén bùn được xây dựng kín nên hạn chế hơi mùi phát sinh từ khu vực trạm xử lý nước thải.

- + Chủ dự án lắp đặt 01 hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung của CCN. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- + Quy trình công nghệ xử lý mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung tại CCN Kim Thái như sau: Hơi mùi, khí thải từ các bể của trạm xử lý nước thải → Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống phóng không cao 10 m (Khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B) → Môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 10 thùng rác (thể tích 120 lít/thùng) tại khu vực lán trại công nhân và tuyến đường để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 03 lần/tuần thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình chuẩn bị, xây dựng

- + Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công, chất thải rắn hoàn trả mặt bằng (đất dư thừa, vật liệu xây dựng đồ thải) được tận dụng để tái sử dụng cho dự án. Chất thải không thể tái chế, tái sử dụng từ quá trình thi công được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Đối với bùn thải từ quá trình nạo vét kênh mương được Chủ dự án thu gom để tận dụng trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Đối với chất thải từ hoạt động di dời đường điện: Được bàn giao cho Công ty điện lực Nam Định thực hiện thu hồi và di dời ra khỏi khu vực dự án, tái sử dụng theo quy định, không phát sinh ra môi trường.

- Vị trí tiếp nhận chất thải xây dựng của dự án: Hiện trạng là hồ trũng nằm

trong bãi rác cũ thuộc khu Đồng Thượng xã Kim Thái; nằm tiếp giáp dự án. Diện tích tiếp nhận khoảng 300 m²; chiều cao đổ thải 1,0 m.

- Bố trí công nhân dọn vệ sinh tại công trường; thu dọn gọn gàng vật liệu, chất thải thi công phát sinh.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí khoảng 50 thùng rác có dung tích 50 lít tại các tuyến đường giao thông nội bộ và khu dịch vụ trong CCN; hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; định kỳ vệ sinh, quét dọn các tuyến đường nội bộ và kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước mưa, đặc biệt là trước mùa mưa bão.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN do các chủ đầu tư tự ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý CTNH phát sinh đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí tại công trường thi công 05 thùng chứa CTNH chuyên dụng, dung tích khoảng 60 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo và dán mã CTNH để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ CTNH phát sinh, tập kết về kho lưu chứa CTNH tạm thời tại công trường thi công diện tích khoảng 10 m² (tháo dỡ sau khi kết thúc thi công). Đối với cặn sơn được lưu giữ trong vỏ thùng sơn thải; vỏ thùng sơn được thu gom, lưu giữ tại khu vực riêng trong kho CTNH.

- Kho lưu chứa CTNH tạm thời được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có cửa, biển tên và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- CTNH phát sinh từ khu hành chính dịch vụ và trạm xử lý nước thải tập trung của CCN được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 10 thùng chứa chất thải loại 120 - 240 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường lưu chứa tạm thời tại kho chứa CTNH diện tích khoảng 20,4 m². Kho chứa CTNH được thiết kế tuân thủ theo đúng quy định. Kho chứa được thiết kế: Sàn bê tông, có vách ngăn chia ô, có mái che, có biển báo khu vực chứa CTNH.

- Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Chủ dự án thu gom và quản lý như CTNH.

- Chủ dự án ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận

chuyển, xử lý theo quy định.

- CTNH phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN do các chủ đầu tư này tự hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. Biện pháp quản lý tầng đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ

- Khối lượng đất từ quá trình bóc tách tầng đất mặt khoảng 138.775,8 m³ được tập kết tại 03 lô đất dịch vụ diện tích 9.663 m² và lô đất HTKT1 diện tích 7.783 m², được lưu chứa tạm đất bóc tách tầng đất mặt trước khi đưa vào sử dụng tại khuôn viên cây xanh khoảng 112.003,2 m³; lượng đất bóc tách còn thừa khoảng 26.772,6 m³ sẽ vận chuyển lượng đất này ra khỏi phạm vi dự án đến vị trí Làn Cỏi thuộc địa phận xã Kim Thái; có diện tích tiếp nhận khoảng 4,5 ha; chiều cao đổ thải cho phép 1,5 m; khoảng cách từ dự án đến vị trí tiếp nhận là 0,8 km thuộc quản lý của UBND xã Kim Thái.

- Chủ dự án và UBND xã Kim Thái có trách nhiệm thực hiện bảo vệ, sử dụng khối lượng đất hữu cơ theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị máy móc thi công theo quy định; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa. Bố trí lịch trình thi công hợp lý, hạn chế việc vận hành nhiều thiết bị có độ rung lớn trong cùng thời điểm. Không sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển có mức ồn khoảng > 70dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn > 70dBA để thi công.

- Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng tôn với chiều cao 02 m; chỉ sử dụng máy ép cọc để giảm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép.

- Lựa chọn máy móc, thiết bị có mức độ ồn thấp khi thi công xây dựng gần khu dân cư.

b) Giai đoạn vận hành

- Tổ chức trồng cây xanh trong phạm vi dự án theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng thiết bị của trạm xử lý nước thải của CCN.

4.5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp an toàn lao động: Xây dựng và ban hành nội quy làm việc tại công trường và phổ biến cho tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường; trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp an toàn về cháy, nổ, chập điện: Tập huấn, tuyên truyền nâng cao

năng lực và nhận thức của công nhân về an toàn cháy nổ, bố trí các bình chữa cháy theo quy định.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ dự án.

- Thi công xây dựng công trình đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt, san nền đảm bảo tôn trọng địa hình tự nhiên khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải và hệ thống thoát nước của các khu vực lân cận, đảm bảo không làm ảnh hưởng khả năng thoát nước mưa của khu vực.

- Định kỳ thực hiện nạo vét mương, rãnh, hố ga của hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn để loại bỏ rác, cặn lắng để bảo đảm khả năng tiêu thoát nước.

4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lập ban an toàn lao động và bảo vệ môi trường tại công trường; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (khu vực chứa xăng dầu, kho vật tư dễ cháy nổ, trạm biến áp,...); quy định nội quy ra vào, làm việc, sử dụng thiết bị, nội quy về an toàn điện tại từng công trường xây dựng và phổ biến cho người lao động thực hiện theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Tập huấn cho công nhân thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn; bố trí trang thiết bị cần thiết để vận chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế; lắp đặt đường dây khẩn cấp để thông báo khi xảy ra sự cố; lập danh sách và địa chỉ các bệnh viện và cơ sở y tế xung quanh khu vực dự án.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; thực hiện việc hoàn trả kênh mương tưới tiêu theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản và UBND xã Kim Thái.

b) Giai đoạn vận hành

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với cơ sở đầu tư thứ cấp trong CCN

- + Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ về công tác bảo vệ môi trường của từng cơ sở thứ cấp và hỗ trợ cơ quan chức năng kiểm tra; thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của từng cơ sở thứ cấp với tần suất tùy thuộc vào tính chất, quy mô của mỗi cơ sở, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý của các cơ sở đầu tư thứ cấp luôn được kiểm soát, đáp ứng tiêu chuẩn nước thải đầu vào của CCN trước khi đưa về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập

trung của dự án.

+ Đối với cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có chất lượng nước thải sau xử lý không đảm bảo tiêu chuẩn đầu nổi, thực hiện đóng van đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của CCN và yêu cầu chủ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải của cơ sở thứ cấp và khẩn trương khắc phục kịp thời sự cố trạm xử lý nước thải; chỉ tiếp tục tiếp nhận nước thải từ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp đó sau khi sự cố được khắc phục và nước thải sau xử lý của cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp đáp ứng tiêu chuẩn đầu nổi.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải

+ Xây dựng, hoàn thiện các công trình xử lý nước thải theo đúng quy mô thiết kế: Bể thu gom được thiết kế với thể tích $221,9 \text{ m}^3$ thời gian lưu nước 0,5 giờ; Bể điều hòa được thiết kế xây dựng với thể tích $1.444,0 \text{ m}^3$ thời gian lưu nước 6,0 giờ, giúp ổn định nước thải trước khi sang các bể xử lý tiếp theo và góp phần vào việc lưu chứa nước thải trong thời gian 6,0 giờ trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố; lắp đặt van phai chặn tại cửa xả nước thải trước khi chảy ra môi trường, đảm bảo nước thải không chảy ra ngoài môi trường trong trường hợp chất lượng nước thải không đạt chuẩn.

+ Bố trí máy phát điện cho trạm xử lý nước thải tập trung; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho công trình xử lý nước thải của dự án; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

+ Xây dựng, vận hành 01 hồ sự cố dung tích 7.000 m^3 , đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu trong thời gian 24 giờ. Hồ sự cố được xây dựng trên nền đất được đầm chặt đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về xây dựng, lót vải địa kỹ thuật, HDPE chống thấm, có hệ thống thu khí, thu nước ngầm, bảo đảm bền vững ổn định lâu dài của kết cấu hồ, thành hồ được xây cao hơn so với độ cao san nền 0,5 m, đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào hồ để hỗ trợ thêm khả năng phòng ngừa, ứng phó sự cố. Trong quá trình hoạt động, trong hồ sự cố luôn có 1 lớp nước (nước dằn đáy) cao 0,5 m nhằm đảm bảo tấm HDPE lót đáy không bị đẩy nổi gây hư hỏng. Vào các thời điểm trời mưa, hệ thống ống xả đáy mở ra và máy bơm hoạt động (thủ công) bơm nước mưa ra ngoài nhằm đảm bảo lớp nước dằn đáy. Khi xảy ra sự cố, hệ thống xả đáy đóng lại, nước thải được bơm vào hồ. Sau khi hoàn thành khắc phục sự cố, hệ thống ống xả đáy mở ra, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể điều hòa để xử lý.

- Trường hợp phát hiện trạm xử lý nước thải xảy ra sự cố, tạm dừng hoạt động để kiểm tra; đóng các van chặn tại các bể chứa thành phần và cửa xả nước thải, nước thải được lưu trữ trong bể điều hòa và các bể chứa thành phần trong thời gian tối đa 6,0 giờ; sau thời gian trên nếu sự cố của hệ thống xử lý nước thải chưa được khắc phục sẽ có văn bản yêu cầu các dự án thứ cấp trong CCN dừng xả thải, nước thải được bơm từ các bể chứa thành phần về bể điều hòa để xử lý. Trường hợp nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp dẫn về hệ thống xử lý nước thải vượt

quá khả năng lưu chứa của các bể chứa thành phần và vượt quá năng lực thu gom, xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, tiến hành bơm nước thải trong các bể chứa thành phần về hồ sự cố. Thực hiện kiểm tra lần lượt tại các công đoạn xử lý nước thải của hệ thống để xác định nguyên nhân và khẩn trương khắc phục sự cố. Sau khi sự cố tại hệ thống xử lý nước thải được khắc phục, mở van phai chặn tại bể chứa thành phần và cửa xả nước thải; nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể điều hòa để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) (Áp dụng hệ số với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$).

- Thỏa thuận với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong CCN Kim Thái về việc tạm dừng tiếp nhận nước thải từ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp về hệ thống xử lý nước thải tập trung trong trường hợp quá thời gian lưu chứa tối đa của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố mà sự cố tại trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Kim Thái chưa được khắc phục; yêu cầu các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp chủ động bố trí các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải tại mỗi cơ sở, dự án đầu tư với quy mô phù hợp để nâng cao năng lực ứng phó sự cố về môi trường đối với nước thải nói chung tại CCN Kim Thái và thể hiện cụ thể các nội dung này trong văn bản thỏa thuận khi tiếp nhận thu hút dự án đầu tư thứ cấp. Trường hợp công trình ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải của Dự án không còn khả năng lưu chứa nước thải, thực hiện đóng van đầu nối nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào hệ thống thu gom nước thải của CCN và thông báo chủ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp về việc tạm ngừng tiếp nhận nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp, vận hành phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp để hỗ trợ thời gian khắc phục sự cố trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nước thải từ hệ thống thu gom xử lý nước thải: Định kỳ kiểm tra, giám sát chất lượng công trình của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện hư hỏng và khắc phục kịp thời. Bố trí máy bơm, đường ống bơm nước thải và phao quay dự phòng để sẵn sàng ứng phó sự cố. Trường hợp phát hiện sự cố, lập tức thông báo cho người phụ trách khu vực xảy ra sự cố; vận chuyển cát, phao quay ngăn tạo bờ để phân lập khu vực rò rỉ nước thải, ngăn chặn nước thải tràn ra xung quanh; thực hiện bơm nước thải bị rò rỉ về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án; khẩn trương sửa chữa, khắc phục vị trí rò rỉ của hệ thống thu gom nước thải.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất:

+ Lập kế hoạch, phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất và tổ chức thực hiện; thực hiện quản lý, bảo quản, lưu giữ hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về hóa chất.

+ Kho chứa hóa chất được thiết kế xây dựng đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định; hóa chất bảo quản trong kho được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, đúng vị trí quy định theo từng chủng loại, thuận tiện cho việc xuất nhập hóa chất; xây dựng quy trình vận chuyển, lưu giữ và sử dụng hoá chất cho công nhân, tuân thủ các biện pháp an toàn do nhà sản xuất quy định.

+ Trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ hóa chất, kịp thời xác định vị trí hóa chất tràn đổ; dùng cát khô thấm hút hóa chất tràn đổ. Cát sau khi thấm hóa chất được

thu gom, tập kết tại kho lưu chứa CTNH, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy

+ Lập phương án chữa cháy, cứu nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và hoạt động theo phương án được phê duyệt; lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy và đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với người lao động làm việc tại dự án; yêu cầu công nhân trực tiếp quản lý nguồn nhiệt, thiết bị dễ sinh lửa, chập cháy phải ngắt các thiết bị điện không cần thiết khi kết thúc ngày làm việc.

+ Định kỳ tập huấn, diễn tập công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy cho người lao động làm việc tại dự án, đặc biệt là người trực tiếp quản lý nguồn nhiệt, thiết bị dễ sinh lửa, chập cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

+ Trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ, thông báo về việc có xảy ra cháy cho các Doanh nghiệp trong khu vực và thông báo cháy với đơn vị chữa cháy; phối hợp với chủ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp thực hiện sơ tán công nhân viên trong khu vực có cháy; phối hợp với đơn vị chữa cháy tại hiện trường để có phương án khoanh vùng đám cháy.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố lũ lụt, thiên tai, ngập úng

+ Định kỳ kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thoát nước thải nhằm kịp thời phát hiện hỏng hóc, rò rỉ, khắc phục kịp thời; định kỳ nạo vét các hố ga, mương thoát nước, cống thoát nước đảm bảo năng lực thoát nước tối đa; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ trong phạm vi dự án.

+ Trường hợp xảy ra ngập úng, sau ngập úng tổ chức dọn vệ sinh môi trường công cộng, kiểm tra nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt, thực hiện các biện pháp khử trùng, tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh nhằm phòng ngừa dịch bệnh phát sinh và lây lan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

a) Môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 04 mẫu, trong đó gồm 01 vị trí khu dân cư xóm Pheo Tiền ở phía Tây Bắc; 01 vị trí Khu dân cư xóm Pheo Tiền ở phía Tây Nam; 02 vị trí giáp Khu dân cư xóm Mới phía Bắc.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (04 lần/năm) (trong quá trình xây dựng).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Khi có sự thay đổi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

b) Giám sát chất thải

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công. Giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và công tác thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

- Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong thời gian thi công.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Giám sát an toàn lao động, an toàn giao thông

- Giám sát thực hiện các biện pháp giảm thiểu an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động của nhà thầu trong thời gian thi công.

- Vị trí giám sát: Tại công trường và trên tuyến đường vận chuyển thi công.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong thời gian thi công.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành

5.2.1. Chương trình giám sát nước thải

a) Giám sát nước thải tự động, liên tục

- Vị trí giám sát

+ Vị trí giám sát nước thải đầu vào: Nước thải tại bể gom trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Vị trí giám sát nước thải đầu ra: Nước thải tại mương quan trắc nước thải tự động, liên tục sau xử lý trước khi xả ra kênh C9 nằm trong phạm vi dự án.

- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.

- Thông số giám sát

+ Thông số giám sát nước thải đầu vào: Lưu lượng đầu vào.

+ Thông số giám sát nước thải đầu ra: Lưu lượng đầu ra, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), pH, nhiệt độ, Amoni.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$).

b) Giám sát nước thải định kỳ

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga sau mương quan trắc tự động, liên tục trước khi xả ra kênh C9 nằm trong phạm vi dự án.

+ Thông số giám sát: Tất cả thông số theo QCVN 40:2011/BTNMT - cột A, với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$ (trừ các thông số đã thực hiện quan trắc tự động, liên tục).

+ Tần suất giám sát: 01 lần/năm đối với các thông số tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hoá chất thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB; các thông số khác là 03 tháng/lần (04 lần/năm).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - cột A, với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát nước mặt nguồn tiếp nhận

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại kênh C9 về phía hạ lưu so với điểm tiếp nhận nước thải của CCN.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, DO, TSS, NH₄⁺-N, NO₂⁻-N, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng dầu mỡ, Coliform, As, Hg, Pb, Cd, Cr(VI), tổng Cr, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, CN, phenol, tổng dầu mỡ, Clorua, Florua, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .

- Tần suất: 03 tháng/lần (04 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và Bảng 2 mức B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

d) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống khói tháp xử lý mùi, khí thải trạm xử lý nước thải tập trung CCN.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, tiếng ồn, H₂S, NH₃, CH₄.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần (02 lần/năm).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải rắn thông thường, CTNH.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại; biện pháp phân loại, thu gom chất thải rắn thông thường, CTNH...

- Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng với nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về điện lực, xây dựng, đất đai, thủy lợi, quy hoạch, giao thông và các quy định pháp luật khác có liên quan trước khi triển khai và trong quá trình thực hiện dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành; hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực dự án trước khi triển khai thi công.

- Trong thời điểm thi công, bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông đường bộ cho các phương tiện đi lại đảm bảo an toàn, giao thông trên tuyến được thông suốt, không gây tắc nghẽn.

- Thực hiện bảo vệ, quản lý và sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và theo các quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của Chủ đầu tư hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; phối hợp với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo việc tập kết vật liệu xây dựng; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp trong quá trình triển khai dự án, bảo đảm đạt yêu cầu về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất lượng nước mặt, không khí xung quanh và vệ sinh lao động, chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành dự án.

- Thông tin rộng rãi cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi dự án triển khai biết về các hoạt động thi công của dự án; thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành dự án.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động môi trường và chương trình giám sát môi trường.

- Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực dự án về thời gian và địa bàn thi công xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường và khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền xây dựng phương án cải tạo, hoàn trả hệ thống đường điện, kênh mương, công trình thủy lợi, thi công hệ thống thoát nước trong phạm vi dự án và thực hiện theo phương án được chấp

thuận; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo mọi hoạt động của dự án không ảnh hưởng tới cảnh quan, môi trường, sinh hoạt, đời sống, hoạt động kinh doanh, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường của CCN Kim Thái được bố trí phù hợp với các loại hình đầu tư CCN và hoàn thành việc đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành trước khi các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong CCN đi vào hoạt động.

- Thực hiện phân khu chức năng trong CCN Kim Thái một cách phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong CCN có khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật để giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác và các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tăng cường khả năng cộng sinh công nghiệp; không bố trí quy hoạch các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu hoặc tiếng ồn cao tại vị trí gần khu dân cư và đường giao thông và đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu được quy hoạch tại vị trí cuối hướng gió.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.2 Quyết định này, bảo đảm phù hợp với các văn bản về chủ trương đầu tư thành lập CCN và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng của CCN Kim Thái; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào CCN Kim Thái; đảm bảo việc tiếp nhận cơ sở, dự án đầu tư mới hoặc nâng công suất cơ sở, dự án đầu tư đang hoạt động có phát sinh nước thải vào CCN Kim Thái phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước; xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập úng, cháy, nổ cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các quy định về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong

quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với chủ đầu tư các cơ sở thứ cấp và người lao động làm việc tại dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của dự án theo quy định.

- Lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của CCN Kim Thái phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở thứ cấp trong CCN và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của CCN gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nam Định, UBND huyện Vụ Bản theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thứ cấp trong CCN theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với chủ dự án đầu tư các cơ sở thứ cấp khi đăng ký vào CCN Kim Thái nhằm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân và kiến nghị với cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi thực hiện dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng CCN. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới nhất.

- Từ ngày 01/01/2032, cải tạo, nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung của CCN đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình xây dựng, hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh, sự cố môi trường./.